

PHẬT-GIÁO HỘI
ASSOCIATION BOUDDHIQUE

ĐUỐC - TUẾ

TUẦN BÁO RA NGÀY 1^{er} VÀ 15

Báo quán ở chùa Quán-Sứ N 73 Rickaud, Hanoi



Chủ-nhiệm : Nguyễn-năng Quốc
Chánh hội trưởng hội Phật-giáo
Quản-lý : Cung-đình-Bình

Chánh chủ-bút : Phan-chung-Thứ
Sư cụ chùa Bằng-Sở
Phó chủ bút : Dương-vân-Hiền
Sư cụ chùa Tế-Cát

GIÁ BÁO : Cả năm 1\$50. Nửa năm 0\$80. Mỗi số 0\$07.

Việc làm chùa Hội-quần Trung-wong

Theo biên bản hội đồng bên tăng giới ngày 19 Octobre và biên-bản hội-đồng Quán-trị ngày 24 Octobre 1937, thì các hội viên trong hội điều cùng góp mỗi vị một đồng (1p00) để lấy tiền khởi công làm chùa Hội quần.

Vậy xin đăng phương danh các vị hội viên chỉ hù Bắc-ninh đã cùng góp lên báo chương để các thiện-tín thập-phương chứng giám.

Trần quang Bình, Trịnh trọng Phúc, Nguyễn hữu Tiên, Nguyễn trạc Yên, Vũ đình Bôn, Đặng ngọc Cầu, Lê văn Nghiễm, Lương hữu Nghiễm, Vũ thị Thìn, Trịnh quang Đầu, Đặng văn Vinh, Vũ Bắc, Phạm văn Đệ, Nguyễn thị Tâm, Phạm văn Nam, Trần hay Hào, Vũ thị Thuý, Nguyễn thị Tiu, Cụ Đô Mỹ, Ngô đình Bích, Hồ thị Tư, Kiều Trường, Thái thị Minh, Nguyễn văn Mai, Phùng hay Bích, Nguyễn thị Hột, Đào Nhung, Hồ quang Kiên, Nguyễn thị Châu, Lê thị Tư, Nguyễn thị Đạt, Trương ngọc Cáp, Vũ thị Khuông, Vũ tá Diễm, Đặng thị Quý, Trịnh trọng Phúc, Nguyễn văn Tuyết, Thạch quang Tiến, An văn Tác, Nguyễn thị Hợp, Ngô trọng Hương, Vũ đình Viên, Bùi quang Dự, Nguyễn thị Thông, Nguyễn văn Khuyến, Hoàng phúc Trợ, Nguyễn thị Thuận Lê quang Áo, Nguyễn thị Coáp, Trần đình Sơ

KÍNH TRÌNH LIỆT QUI

Nhân vì thân-tâm suy yếu, nên có sưu-tầm ở trên một ngược được sáu bộ xương hổ và hai bộ xương sơn-dương đem về tạc nấu thành cao để nhả dùng, nhưng còn dư, nên liệt qui ai muốn dùng xin cho biết để xin kính gửi đến.

Tất cả giá xương và phí nấu nấu thành cao hết 4\$50 một lạng.

Nay kính cáo

M. Lê-Toại

310, Phố Bạch-Mai (gần Hanoi)

Mây lời cùng các giáo-hữu

TRƯỚC KHI LÀM LỄ QUY

CỦA CỤ VI-KHANH NGUYỄN-NĂNG-QUỐC

Bạch các giáo-hữu,

Ngày hôm nay tôi được cùng các giáo-hữu hội họp ở đây để làm lễ quy y thụ-giới trước Phật đài, thực tôi lấy làm một ngày đệ nhất vinh diệu cho cả một khoảng đời tôi, mà từ trước đến giờ tôi vẫn ước ao được có.

Tôi từ thuở nhỏ vốn đã tin theo đạo Phật, vì các Cụ thân sinh ra tôi ngày trước, đều là những bậc nhiệt tâm hâm mộ Phật-giáo, mà nhất là thân mẫu của tôi. Thân mẫu tôi sùng tín cái đại đạo bác-ái từ-bi, đến nỗi hy sinh hết cả tài sản để mà bồi đắp vào nơi công quả thuyềnmón. Bấy giờ tôi tuy còn nhỏ, song vẫn thường được trông thấy sự lễ-cầu thành-kinh, và lại thường được nghe thấy những lời khuyên nhủ ân cần về đường phúc thiện, khiến cho tôi cũng phải cảm phát trong lòng.

Nhờ được cái gia-đình giáo-dục đào luyện ngay từ buổi thanh niên như thế, nên khi tôi khôn lớn lên là trong bụng đã chứa chất một bầu nhiệt tâm đối với Phật-giáo, mà rắp muốn noi theo cái gương từ bi quảng đại của đức Phật-tổ khi xưa.

Nhưng ngặt vì tôi chừng trung gian, cũng bởi cái hoàn-cảnh bó buộc, và cũng bởi thời thế chuyển xoay khiến cho tôi hàng ngày phải trao thân vào nơi hình dịch, mà không có lúc nào lưu tâm lý-hội đến chốn thuyềnmón. Điều đó thực tôi lấy làm áy náy băn khoăn, cho là vô cùng khuyết hám và vẫn mong có một ngày kia sẽ làm sao cho đạt tới những điều tâm nguyện mới nghe.

Thì may sao đến hồi vãn niên tôi về hưu mới thoát bước hoạn trường, về nơi lục dã được mấy năm thì lại gặp ngay các ngài, bên Tăng và bên Cư-sĩ đồng chí, hiệp lực cùng tôi lập nên cai Hội Bậc-kỳ chấn hưng Phật giáo. Rồi cũng vì các bạn thấy tôi tuổi tuy cao mà tấm lòng mộ đạo vẫn sùng, nên lại trao cho tôi cái trọng trách làm Chánh Hội-Trưởng để trông nom giữ gìn công việc chấn-hưng Phật-giáo. Đó cũng là trời Phật đã soi thấu tâm lòng của tôi, mà cho tôi lấy cái cơ hội thiên tai nhất thời như thế. Nên từ khi bắt đầu hội ta thành lập tới nay, tôi cũng phát nguyện nhất tâm quyết xin cúc cung tận tụy, để làm cho được đầy đủ bổn phận của mình.

Duy trong bấy lâu nay, vì công việc của hội còn bận rộn, nên tôi tuy vẫn đón đốc việc hội, mà tự mình thì chưa có dịp nào thực hành cái lễ quy-y, để tỏ tấm lòng đium thành với Phật. Tôi tự vẫn tâm, vẫn thường rất lấy làm ân hận, mà nhất là đối với các giáo-hữu trong Hội, tôi lại cho tôi là còn có một điều khuyết điểm rất to.

Không ngờ ngày nay đây, hoặc là Phật-tử khải phát cho tôi đã được lời ngày bước vào con đường chính-giác, nên ngẫu nhiên lại được cùng các giáo-hữu trao trọng mặc coi áo thụng nâu mà cùng làm lễ ở trước Phật đài như vậy, thực là tam sinh hữu hạnh cho tôi, sự vui mừng của tôi không biết nói sao cho xiết.

Vậy trước khi bắt đầu vào làm lễ quy-y, tôi xin nói qua cái ý nghĩa của lễ này, để các bạn làm lễ quy ngày hôm nay cùng hiểu.

TAM QUY

Nghĩa Tam-quy như thế này :

Quy hay là quy-y « quy » là trở về, « y » là nương tựa. Vậy quy-y là trở về mà nương tựa với Phật.

pháp, như con trở về nương tựa với cha mẹ, dân trở về nương tựa với vua, với nước. Đó là theo trong sách Đại-thặng nghĩa.

Kinh Thắng-Man nói rằng :

Nhất thiết pháp thường trụ, thị cố ngã quy y, nghĩa là : hết thấy đạo pháp chính đáng, không lúc nào là không có, cho nên ta quay về mà nương tựa.

Xem thế thì quy-y là quy-y với Phật-pháp, vì mình biết rằng Phật-pháp là chân chính, có thể trở về mà nương tựa vào đấy được. Nương tựa vào đấy để mình tu liền tâm thân cho được quang minh chánh trực, đưa tinh-thần vào cõi vô thượng bồ đề.

Phật-pháp có ba phần, gọi là Tam-bảo : Phật, Pháp và Tăng, quy y Phật Pháp tức là quy y với Tam-bảo. Nghĩa là quy-y Phật, quy-y Pháp, quy-y Tăng.

Phật là những bậc tu hành đến cõi vô thượng bồ đề, như đức Bản-sư Thích-ca ; Pháp là những đạo pháp chính đáng của chư Phật đã thực hành và phát biểu ra ; Tăng là những người xả thân noi theo Phật pháp.

Quy y với Phật, với Pháp, với Tăng để làm gì ?

— Theo sách Đại-Thặng nghĩa đã nói thì :

Lấy Phật làm thầy, gọi là quy Phật.

Y Phật vi sư, cố viết quy Phật

Lấy đạo pháp làm thuốc, gọi là quy pháp.

Bằng pháp vi dược, cố danh quy Pháp.

Lấy Tăng làm bạn gọi là quy Tăng.

Y tăng vi hữu cố xưng quy tăng.

Vì nghĩa Tam quy như thế nên trong đạo Phật có đặt ra lễ Tam quy để tỏ tấm lòng tin ngưỡng của các tín đồ nhà Phật.

LỄ TAM - QUY

Lễ tam-quy có hai là : Tam quy giới
và Tam - quy nguyện

Tam-quy giới. - Tam-quy giới là một lễ phải làm ngay khi bắt đầu tin theo đạo Phật, nghĩa là phải bày tỏ cho Phật-tổ biết là mình đã thụ giới tam-quy. Thụ giới tam-quy dễ trút bỏ mọi điều tà tin xưa kia mà chuyên tin mộ về một đạo chính của Phật, lễ ấy là g, ni, thiện, tin đã thông dụng cả. Mỗi lần thụ giới lên một bậc đều có thụ tam-quy. Về người tại-gia thì lễ tam-quy này gọi là tam-quy thụ pháp. Trước khi làm lễ người thụ quy phải sám hối mọi điều làm lỗi đã làm từ trước, mà sinh lòng tin nguyện rất thuần thục thanh tịnh và chính đáng. Kinh A-hàm nói :

« U' thụ tam-quy giới tiền, tiên tu sám hối, nhiên hậu thụ tam-quy ». Nghĩa là : trước khi chịu lễ tam-quy giới, phải nên sám hối trước đã rồi sẽ chịu lễ.

Tam quy nguyện. - Tam quy nguyện thì mỗi khi lễ Phật niệm Phật đoạn, tăng ni thiện tín đều phải đọc tam-quy nguyện, để nguyện cho mình được thành tựu công đức. Tam-quy nguyện là : « Tự quy ư Phật, đương nguyện chúng sinh, thể giải đại đạo, phát vô thượng tâm ».

Tự ta quy y với Phật, cầu nguyện sao cho ta hiểu thấu đạo cả phát ra tâm lòng vô thượng (là cao siêu trong sạch không gì hơn).

Tự quy ư pháp, đương nguyện chúng sinh, thâm nhập kinh tạng, trí tuệ như hải.

Tự ta quy y với pháp, cầu nguyện sao cho ta thấu hiểu nghĩa kinh tạng cho được trí tuệ rộng sâu như bể.

Tự quy ư tăng, đương nguyện chúng sinh, thông lý

đại chúng nhất thiết vô ngại.

Tự ta quy với Tăng, ta nguyện ước với nhau đem cái chân lý của Phật mà truyền bá ra khắp cả thiên hạ thành phàm, không còn chỗ nào nghi ngờ nữa.

Ấy, nghĩa tam-quy và lễ tam quy đại khái như thế. Tam quy giới là khi nhập đạo thụ giới phải làm. Còn tam-quy nguyện thì mỗi lần lễ xong phải đọc, nói tóm lại là để biểu thị tấm lòng chính tín đối với đạo Phật vậy.

NGƯỜI XƯA QUY PHẬT

Ngày nay người ta thấy ở các chùa, ngoài tăng ni ra chỉ có các bà tin-lão và số ít thiện nam làm lễ quy ở trước cửa Phật, thì người ta tưởng chỉ có một hạng người riêng ấy là nên làm lễ quy mà thôi. Vì thế cho nên khắp nước chỗ nào cũng có chùa, hầu hết nhân dân là tin-dồ của Phật, mà số người làm lễ quy còn ít. Không biết rằng xưa kia ở Trung-quốc và ở Việt-nam ta, các bậc danh nhân trên lịch-sử đều có làm lễ thụ tam-quy cả. Về Trung-quốc, Đê-vương như vua Thái Tôn nhà Đường, năm Trinh-quán, xuống chiếu cho Hoàng tử, vương-phi đều thụ bồ-tát giới. Vua Văn-Đế, vua Dạng-Đế nhà Tùy, vua Thế-tổ, vua Thánh-tôn nhà Nguyên, vân vân... đều có quy y thụ giới. Thi nhân, như ông Bạch-cư-Dị, sư phạm trường Quốc-học, như ông Vương-nhật-Hưu, Tể-tướng, như ông Vương-an-Thạch, ông Văn-lộ Công, vân vân... cũng đều quy Phật thụ giới cả.

Ở nước Việt-nam ta thì có Nhân Hoảng Thái-Hậu nhà Lý, vua Thái-tôn, vua Thánh-tôn nhà Trần, vân vân... là những bậc Đê-vương mà quy y Phật đạo. Tuệ Trung thi-sơ, là một vị thần huân danh tướng cũng là những bậc lễ phụ, như Tá-thánh thái-sư, Thống chính thái-sư, Hoài-ninh Thái-sư vân vân... ở đời Trần

đều có làm lễ quy cả. Vua Bảo-thái nhà Lê quy y Tam-bảo, các chúa Trịnh cũng mộ thiện quy Phật. Bên bản triều ta từ đức Hiếu Vũ Vương mộ đạo xuất gia rồi đời đời các vua Văn Võ quy y Tam-bảo nhiều lắm. Như trong đời vua Tự-đức quan Tổng đốc Bắc-ninh kiêm lý Thái nguyên là Nguyễn-văn-Đức, quan Tuân-phủ Ninh-bình là Ngô-kim-Lân, quan Bô-chánh Hanoi là Vương-hữu Quang, quan Bô-chánh Sơn-tây là Tôn-thất-Tĩnh, quan Bô-chánh Thái-nguyên là Phạm-bạch-Như, 2 quan Lãnh-binh Sơn-tây là Nguyễn-văn-Hạc và Nguyễn-trọng Thao, quan Tiên sĩ Nguyễn-Thành người làng Khắc-niệm Bắc-ninh vàn vàn...đều đã làm lễ quy y thụ giới cả, nhất là quan Hiệu Biện Đại-học sĩ Hinh-bộ Thượng thư Nguyễn-đăng-Giải huân nghiệp của ngài còn lừng lẫy ở Bắc-kỳ, mà công đức Ngài đối với đạo Phật nay còn nhiều dấu tích ở các chùa trong xứ Bắc-kỳ và ở Hanoi ta đây, ai cũng còn ghi nhớ. Tài chính Ngài chỉ trai thụ Bồ-tát giới, còn vợ con đều thụ tam-quy.

Nhân đây tôi nhắc lại qua liễn sử của Ngài để chư giáo-hữu biết công đức của Ngài là thế nào.

Quan thượng Nguyễn-đăng-Giải, người tỉnh Quảng-bình (Trung kỳ) giòng giới nhà thế phiệt, đỗ cử nhân, tài kiêm văn võ. Làm quan tại triều có tiếng ngay thẳng, sau bỏ ra trọg trấn nhiều nơi ở xứ Bắc-kỳ, có làm Tổng đốc Bắc-ninh kiêm lý Thái-nguyên, Tổng đốc Sơn-Hưng, Tuyên, Tổng đốc Hà-ninh. Dân đều mến đức, lữ tốn hưng vượng. Con là ông Nguyễn-đăng-Hành đỗ Tiên-sĩ. Vấy mà Ngài sùng Phật một cách đóc tin, như thụ bồ tát giới, trì bát quan trai. Nơi công đường Ngài lờm việc quan ở đâu là có đặt ban thờ Phật. Thực là hiện Tề tướng thân, hành sa môn hạnh.

Nghĩa là hiện thân lễ tướng mà giữ hạnh thầy tu. Mộ đạo Phật như thế chẳng qua là Ngài hiểu thấu đạo từ-bi, bình đẳng bác ái của Phật, nên tự phát tâm mộ đạo

quy y mà thôi vậy.

Một vị nho thần như Ngài mà lại sùng mộ Phật pháp như thế nên lòng nhân ái càng thêm đầy rẫy. Khi Ngài làm Tổng-dõ: Sơn, Hưng, Tuyên, đi tiêu binh một đảng giặc ở vùng đó, Ngài không dùng oai quyền và binh lực mà sát hại mạng người chỉ khuyên người ta biết bỏ đường tà mà về nẻo chính. Ngài làm những việc phúc đức để làm gương. Bỗng nhiên loạn đảng ấy cảm động mà ra thú, khiến cho một loạn đảng nhiều như ong ở vùng ấy đã hơn hai mươi năm mà một lúc ra hàng phục hết. Nhờ đó dân được yên ổn làm ăn. Đó há không phải là bởi lòng từ bi nhân ái của Ngài quy Phật mộ thiện mà ra hay sao?

Về phần lời dạy vì tâm lòng chân thành hâm mộ Phật pháp vì hiểu thấy cái nghĩa quy y có công đức mật thiết cho người nhập đạo như thế, lại vì theo gương sáng của các đấng danh nhân như trên ấy, và theo cái nền nếp của hiền nhân tới khi xưa, nên lời quả quyết làm lễ quy y của Phật hôm nay.

Lễ quy y này là cốt khiến cho người mộ đạo quả quyết mạnh mẽ, đứng trước công chúng mà tự nhận mình là đệ tử chính thức của Phật, tự hứa mình với Phật là phải hết lòng tin theo về đạo chính giáo, và khiến cho người nhập đạo phải đi tới cái chỗ không thể nào thoái chuyển được nữa. Vì có làm lễ quy y cầu Phật chứng minh cái lòng chân thành tự nguyện xin theo đạo, rồi thì mình mới phải tự sách lệ cho mình, tự giác ngộ lấy mình, mà những điều tà tin sẽ chùi bỏ hết, những điều chính tín sẽ càng bền vững thêm lên, và đạo tâm sẽ vì đó thêm mạnh, thiện căn sẽ vì đó thêm nở nang, mà cái hạnh phúc trong sạch sau này mới sẽ có ngày đưa đến cho ta được hưởng.

Cái ý kiến này, chắc là các giáo-hữu cùng làm lễ với tôi ở đây hôm nay, cũng nghĩ với tôi như thế, và cùng

một lòng chân thành khẩn khoản như tôi, chứ không
điều gì trái khác.

Vậy trước khi làm lễ quy y, tôi giữ lại đứng trước
Phật đài, xin cùng các giáo-hữu đợi tôi, ta cùng đồng
thanh niệm 3 lượt : Nam-mô Bản sư Thích-ca Mâu ni Phật.

NGUYỄN-NẴNG-QUỐC

Bài chúc-từ của sư cụ Trung-hậu

Nam-mô A-di-đà Phật,

Bâm Cụ Lớn Võ-Hiền Hoàng Tướng-Công,

Ngày hôm nay là ngày đức Phật tổ Thích-ca giảng sinh
tức là một ngày lễ rất trọng thể của các giáo hội nhà
Phật, lại được Cụ lớn phat vô ngại tâm thân đến hội-
quán của hội Phật-giáo chúng tôi, trước là làm lễ Phật
tổ và sau là nói về công việc kiến tạo ngôi chùa
Hội-quán của Hội chúng tôi, như thế thực là vẻ
vang cho cả toàn thể Hội chúng tôi không biết để đâu cho
hết. Vậy trước hết tôi xin thay mặt tất cả hai bên nội-
hộ và ngoại-hộ, nghĩa là tôi xin thay mặt khắp cả tăng-
ni giới và cư-sĩ thiện-tín của Hội Bắc-kỳ Phật-giáo chúng
tôi mà cảm tạ cái thâm ân của Cụ lớn, và xin có mấy lời
rất chân thành trân trọng bày dãi cùng Cụ lớn.

Bâm Cụ-lớn, Cụ lớn là một bậc huân danh phẩm vọng
đệ nhất của quốc triều ta hiện nay, cứ kể cái công
nghiệp của Cụ lớn thì khắp trong Quan Thân Sĩ Thử
nước nhà, còn ai là người không hiểu, trong mấy mươi
năm Cụ lớn còn thay mặt Chính-phủ cầm quyền trọng
chấn một phương, Cụ lớn đã hất lòng săn sóc tài bồi cho
nông, công, thương các giới ở hạt Hadong, khiến cho
tỉnh Hadong hiện nay đã trở nên một lĩnh qui thức về
đường công nghệ cho cả toàn xứ Bắc-kỳ. Cái ân của Cụ
lớn đã ban bố ra đó, tuy tới nay Cụ lớn đã về hưu mà
quốc dân vẫn còn huyền truyền cung phụng và cái thành

tiệc cũng vẫn còn vẻ vang rực rỡ, để cho dân chúng còn được lưu truyền hưởng mãi về sau. Điều đó thực ai cũng phải quả quyết công nhận như thế.

Không những thế mà thôi, Cụ lớn lại là một nhà giàu về đạo tâm, đối với tôn-giáo nước nhà, Cụ lớn cũng không lúc nào là không lưu tâm nghĩ tới. Tức như ở chùa Từ-Trần trước đây, cũng được nhờ ơn Cụ lớn gia tâm đôn đốc, tới nay đã trở nên một chốn thắng cảnh thứ nhì của hạt Hadong, các tăng ni giới trong xứ Bắc-kỳ ai mà không biết.

Ngày nay đến lượt ngôi chùa Hội-quán của Hội Bắc-kỳ Phật-giáo chúng tôi đây. Hội Bắc-kỳ Phật-giáo chúng tôi sở dĩ khẩn khoản lưu tâm về việc kiến tạo ngôi chùa Hội-quán là vì: Trong nước Việt-nam ta, kể đến dân số thì có tới chín mươi phần trăm là người đi Thích, mà những người đi Thích tức là theo về Phật-giáo cả. Vậy mà tự thượng cổ tới nay, chưa có một ngôi chùa nào là thực ngăn nắp đường hoàng để làm tiêu biểu cho nền tôn-giáo. Cái đó thực là một điều đại khuyết hám cho cả toàn thể tôn-giáo nước ta từ trước tới giờ. Bởi thế nên Hội Phật-giáo chấn-bưng khi mới bắt đầu thành lập là đã đề tâm dự định làm ngay nhưng ngặt vì trong bấy nhiêu lâu còn có nhiều những công duyên trở ngại, nên công việc chưa sao thực hiện được ngay. Lần nữa mãi tới ngày nay, mới tiện sắp đặt các việc đôn thả, thì may đâu Phật Trời dunn dũi lại vừa gặp khi Cụ lớn cáo quan lui về hưu nhàn, rồi Cụ lớn lại phát Bồ-đề tâm mà hứa giúp một tay để mau chóng về tròn công quả. Hồi tháng chạp ta năm ngoái, khi Cụ lớn đến dự lễ tại chùa Quán sử đây, Cụ Lớn đã tuyên hứa những lời vàng ngọc ân cần, thực hết thấy các giáo hữu chúng tôi vẫn còn đình ninh ghi trong phở phở.

Tới nay gặp ngày khánh đản đức Phật - Tổ Thích - Ca, và lại là cái ngày mà công cuộc kiến tạo ngôi chùa sắp sửa bắt đầu. Cụ Lớn lại không tiếc thì giờ quý báu thân

hành để chùa làm lễ, và lại có ý đem các công việc kiến thiết nay mai mà chỉ giao cho Bản Hội đồng nhân cùng biết. Nương thế thực là một cái đại hạnh phúc cho chốn thuyên-lâm, mà cái công quả kiêu tạo ngôi chùa Hội-quán Trung-ương chắc sẽ như đó mau chóng tới ngày viên mãn.

Ngôi chùa Hội-quán Trung-ương nay mai, sẽ là một ngôi tự-viện làm đại hiệu cho hết thầy các tự-viện trong xứ Việt-nam, và sẽ là một nơi có thể làm cho xứng đáng với sự quan chiêm của người ngoại quốc. Nay Cụ lớn lại trao phó nhiệt tâm mà hứa giúp cho công cuộc chóng thành như thế, há không phải là Cụ lớn đã vì cả nền tôn giáo xứ ta mà đứng lên viên đá lớn, để cho muôn nghìn năm về sau, cái hình thức tôn-giáo xứ nhà sẽ được nhờ đó trở nên vững vàng thịnh đạt hay sao?

Vậy đứng trước Tam-bảo chi tôn chi nghiêm, và đứng trước đồng đủ các tín-đồ nhà Phật đây, tôi xin thay mặt toàn thể giáo Hội chúng tôi hôm nay, cầu nguyện cho Cụ lớn được duyên niên phúc thọ, để bước lên con đường độ kỳ độ nhân theo gương như đức Phật-tổ khi xưa.

Nam mô Bản-sư Thích ca Mâu-ni Phật

KHÁI SỰ

Kính bạch Thập-phương giáo-hữu,

Hội Phật-giáo Bắc-kỳ vì việc làm chùa Trung ương tự-viện ở Hanoi công-quả lớn-lao (ước 10 vạn bạc), như các tờ biên bản của Hội và lời Cụ lớn Võ - hiền Hoàng-tướng-Công diễn-giảng ngày 8 tháng tư vừa rồi, mà báo Đuốc tuệ đã lần lượt đăng lời. Công quả ấy Bản hội hết sức trông cậy vào lòng phúc-đức của Thập-phương giáo-hữu trong ngoài hội quyên-trợ giúp cho.

Cho được biên chép số liễn quyên-cúng minh bạch và qui linh-danh, quán - chỉ cùng chức - nghiệp của các vị phúc đức ân nhân để liện việc thu-nhận chiếu tình, dâng báo và sau khắc bia, lập bài-vị kỷ-niệm cảm-tạ công-đức, Bản-hội có dựng ra hai thư số phá-khuyến và một quyển

biên lai. Trong hai thứ sổ và quyền biên lai ấy đều có tính cách đặc biệt thận-trong, vậy xin thanh-minh những tình cách của các sổ ấy ra dưới đây, để khi các ngài tiếp được các sổ ấy do các nhà phúc thiện vì bản-hội phát-lâm dẫn phúc đến, thì các ngài có thể nhận biết được ngay. Ngoài ra bản-hội không có thứ sổ phủ-khuyến nào khác nữa.

I — Sổ phủ-khuyến bằng giấy tây

1 — Khò rợng, 32 phán 2 ly tây bằng, 24 phán 6 ly tây bằng.

2 — Bìa, giấy vàng giấy, trong có 16 trang giấy tây giấy tốt.

3 — Ngoài mặt bìa có in lượng Đức Thích-ca thuyết-pháp và những chữ cùng số quyền sổ ấy như sau này :



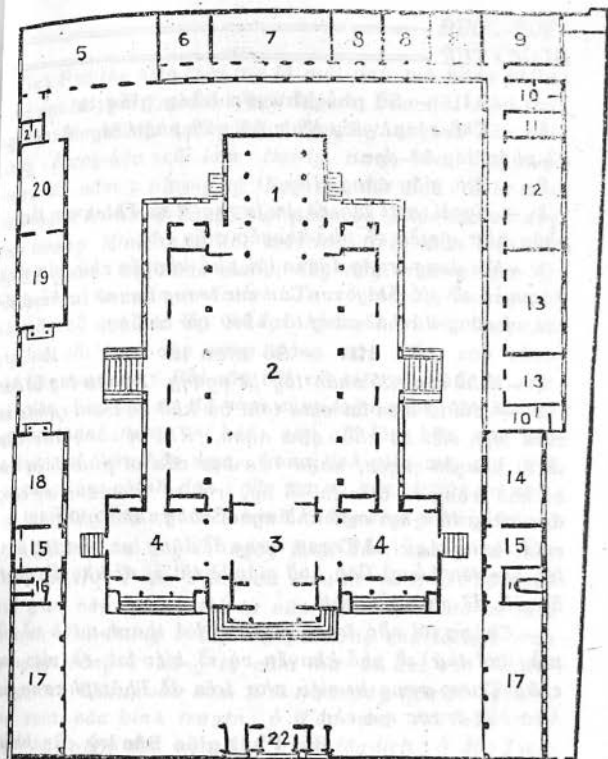
4 - Nội dung tất cả 16 trang, có hai phần. Sáu trang đầu là phần phụ phả-khuyến, không ghi số trang. Mười trang cuối là phần chính sớ phả khuyến, có ghi số trang.

a) Phần phụ phả-khuyến. — Trang thứ nhất có in tượng đức Thích-ca như ngoài mặt bia. Dưới cùng trang có ghi phương diện kỹ công-đức cầm sớ ấy.

— Trang thứ hai chép lời dặn đề xem nội dung ngôi chùa mà lời chiếu lời trang thứ ba bên kia. Trang thứ ba, trên in bức ảnh toàn cảnh ngôi chùa, dưới in bản đồ chân móng có đánh số. Vì đức ngài xem bản-đồ chân móng muốn biết chỗ nào dài, rộng và cao bao nhiêu thì cứ trông con số ở đấy rồi đối chiếu sang trang tiếp theo bên này tìm chỗ con số có ghi lời dặn thì biết ngay.



Toàn cảnh ngôi chùa trông về hai mặt phố Richard và Carreau.



Địa thế các nơi trong chùa

- Trang thứ tư và trang thứ năm là lời *phả-khuyến*.
- Trang thứ sáu chép lời dặn các vị Công-đức cách lễ cúng, lấy biên lai.

b) Phần chính sớ *phả khuyển*. — Phần này chỉ có 10 trang, có đánh số trang từ số 1 đến số 10.

— Mỗi trang có ba ó, mỗi ó có đánh số thứ tự ở đầu ó để riêng có một vị công đức đề cúng từ 5\$00 trở lên. Dưới mỗi trang này đều có chữ ký của cụ Hội trưởng Nguyễn-năng-Quốc (ký bằng chữ quốc ngữ), chữ ký của vị Hòa-thượng Đốc công Thanh-Ất (ký bằng chữ nho) và đóng dấu son của Hội.

II. — Sở phả khuyến bằng giấy ta

1 - Khở rộng giấy lệnh hội, 20 phân tây bề ngang, 32 phân tây bề dọc.

2 - Bìa, giấy vàng giấy.

3 - Ngoài mặt bìa có in tượng đưc Thích-ca thuyết pháp như quyền sở phả-khuyến giấy tây.

4 - Nội-dung trang đầu in lời phả khuyến chữ nôm đực ở quyền sở giấy tây ra. Còn các trang saucó in tẻ ó, đứ các vị công-đức đứ-càng từ 4\$90 trở xuống.

III. — Sở biên lai

1 - Khở rộng 25 phân tây bề ngang, 1 phân tây bề dọc.

2 - Mỗi tờ biên-lai chia làm ba khở có trám rặng cưa, cách biên viết ba khở như nhau. Khi vị công-đức cầm sổ đi khuyến-quyên, nhận tiền bạc của ai phải biên vào ba khở trong tờ biên-lai sổ ấy, rồi sẽ giao cho vị công-đức cùng liền ấy một khở ngoài cùng, khở giữa thì mỗi cuối tháng sẽ gửi về Trung vương đứ đứng lục phương danh lên báo lên bảng. Còn khở giáp lề thì vị đi khuyến quyên ấy giữ đứ sau triều-linh.

- Chúng tôi cần trọng có mấy lời thanh-minh về kiến mần hai thứ sở phả khuyến và sở biên-lai về việc làm chùa Trung-wương tự-viện như trên đứ Thập-phương giáo hữu biết trước mà chú ý.

Hội Phật-giáo Bắc kỳ cần khởi

NGHĨA CHỮ PHẬT (1)

Hội Phật giao ta thành lập tới nay đã đứ đức hầu ba năm, gần sa nó nức, trong ngoài hưởng-ứng, công việc liền hành không hề chể nể. Hội đứ đức như thế lạ nhờ đứ đứg

(1) Bài này giảng lần thứ nhất tại chùa Quán-sứ, Hanoi ngày 15 tháng 3 năm mậu-dần (15 Avril 1938).

Giảng lần thứ hai tại chùa Thăng-sơn, tỉnh Phú-thọ, đứ đức ngày Phật-dẫn, mồng tám tháng tư (7 Mai 1938) có thêm đoạn sau này :

Tỉnh Phú-thọ hiện thời tuy là một tỉnh mà phần nhiều đời gọi là tỉnh mới, vì mới lập ra trên đất Phú-thọ nay từ năm 1903, hoàng hiệu Thành-thái thứ 15. đời tỉnh lý Hưng-hóa cũ làm Đại-lý Hưng-hóa, đến nay mới có 25 năm; nhưng kỳ thực ra, đất tỉnh ta là một phần bộ Tân-hưng cùng một phần bộ Phúc-lộc về đời Hoàng vương Hinh thực thì mới mà tinh thần thật cũ, nay Hưng-sơn nọ Thao-giang, đặng dấy những lịch sử bình quang, ta cần nhắc lại Ta có thể tự-hào có cái tinh thần cổ quý nóa ấy há lại không nên bồi thực cho ngày mới tốt tươi cho xứng đáng với tiếng con rồng cháu tiên hay sao! Bởi vậy bất cứ việc gì, nhất là việc Phật-giáo, Phú-thọ ta đã s'ym cùng toàn quốc dân hưởng ứng lập thành ngày ch' hội: góp gió làm bão, hợp cây nên bụi gọi thực hơn xưa, khoa tỉnh giấc mê, dời đất chầu cùng theo chính đạo; gần xa nô nước trước sau một lòng; những công việc tiến hành không kém gì nơi khác...

... Nhân hôm nay là ngày Phật-dẫn, chúng ta làm lễ kỷ-niệm Đức Phật Thích-ca mâu-ni là vị-tổ Phật-giáo ở thế gian này. giáng thế từ năm nào? Xưa kia tu theo các kinh Đại-thực ở bên Tàu, thường cho là ngài sinh vào ngày mồng 8 tháng tư năm thứ 26 đời vua Chiêu-vương nhà Chu ta vào năm 1027 trước tây-lịch kỷ nguyên. Song xem các kinh truyện: ở Tây-tạng thì thấy chép rằng Phật nhập diệt năm 544 trước tây-lịch; ở đảo Tích-lan (Ceylan) thì chép là năm 546; ở Diên-điện thì chép là vào năm 481. Theo những năm ấy mà tính lên 80 năm về trước thì ngài sinh vào khoảng năm 624 hay 606 hay 551 trước tây lịch. Đến ngày nay, các nhà khảo cứu Âu-tây và Nhật bản đều công nhận là ngài vào khoảng năm 560 trước tây lịch tức là vào đời vua Linh vương nhà Chu, năm thứ 12, đồng thời với đức Khổng-phu-tử. Còn ngày « Phật » giáng-dẫn thì thường nhận là ngày mồng 8 tháng tư. Lễ kỷ-niệm ngày dẫn ngài hôm nay là ngày lễ lần thứ 2498 nghĩa là đã 2498 năm nay.

Thế tôn dân hộ cho mà cũng cốt bởi lòng tin ngưỡng của các giáo hữu. Về việc diễn giảng vẫn được đều đều: cứ ngày mồng một thì các vị đạo sư đem kinh sách là nhời đức Thế tôn cùng chư vị Bồ tát truyền lại mà tuyên dương hoằng hóa để tỉnh mê khai ngộ cho tất cả mọi người. Ngày rằm riêng phần cho cư sĩ nói về các vấn đề lặt vặt mà có quan thiết đến Phật: Nào là lịch sử đức Thích ca, nào là lịch sử đạo ngài từ Tây Trúc truyền đi khắp thế gian; nhất là từ Tây Trúc truyền qua nước Việt-nam ta rồi sang Đông-thở là nước Tàu nước Nhật; lại một hồi sau từ Đông-thở truyền sang nước Nam ta. Nào là các học-thuyết, các đạo lý của đức Bản sư. Những bài ấy sau khi đem kể trước Tam bảo để được đức Phật chứng minh lại đem in lên báo **Duốc-tuệ** để mọi người cùng xem. Những đạo lý cao xa, lịch sử tốt đẹp, cần nên xem đi đọc lại, thì mới thấu hiểu mà có ích lợi: đó là cái giánh nặng và cái chức chách to tát của báo **Duốc tuệ**, xin các giáo hữu lưu tâm cho.

Kể về đạo lý Phật giáo thì bao la rộng rãi, nói không thể nào xiết, nhưng tóm lại đều thiết thực cho đời người, thúc dục ta hẳn hỡ làm việc, bởi vậy phần nhiều các giáo hữu ta chỉ tìm điều khó, đem ra nghiên cứu giảng giải mà bỏ sót những điều dễ. Nhân thế chúng tôi không giám phạm viển đến chốn cao xa, xin lấy một vấn đề thông thường, cửa miệng không ai không nói tới, đem ra ôn lại để các giáo hữu nghe, ấy là nghĩa chữ « Phật ». Chúng tôi chỉ xin chấp nhật trong các kinh sách cùng các chuyện cổ tích, gom góp nhời xưa, nói chuyện buổi nay, không giám tự ý thêm bớt. Xin đừng bảo rằng nghĩa chữ « Phật » là dễ mà bỏ qua, ấy cốt yếu việc đi chùa chỉ ở một chữ Phật mà thôi; cũng xin đừng bảo chữ « Phật » là khó mà nỡ lòng. Đức Thế Tôn đã từng dạy ta mánh mềa tinh tiến, nghĩa là cố gắng chăm tiến, bất cứ việc gì, khó đến đâu mặc dầu, hễ cố sức làm mà cũng phải được. Khuyên người ta tu đức, đức Không tử cũng có

đọc là : Sasis rgyas. Tiếng Phật sơ dĩ truyền vào là chỉ vì từ lúc Phật-giáo lại ở Tàu lan rộng sang ta, người ta đọc kinh viết bằng chữ nho cho nên mới quen đọc chữ Phật mà sao những chữ Bụt, chữ bụt lại thường đem dùng trong những ý chế nhạo. Tiếng Phật mà ta mượn của Tàu là mượn ở chữ Phật đã là chữ thông dụng ở nước Tàu vào hồi thế kỉ thứ VI là hồi Phật-giáo ở Tàu sang ta.

Thứ chi nói đến nghĩa chữ Phật. Chúng ta đã rõ chữ Phật gốc ở chữ Buddha chuyển âm ra, mà chữ Buddha là chữ Phạm, cổ tự nước Tây-trúc. Nhưng lại phải nhận rõ ràng theo về môn thanh-âm học, chữ Phạm thuộc về loài Ấn-âu ; nguyên chữ Buddha nhiều nghĩa phức tạp, muốn hiểu rõ ràng tất phải theo văn-phạm loài chữ ấy. Chữ Buddha là chữ phần chính của chữ động tự bodh cùng chữ danh tự Boddhi ta vẫn đọc là bồ đề.

Trước hết xin nói qua nghĩa chữ boddhi : chữ boddhi nghĩa là trí-tuệ. Trước kia ở Tàu, chữ nghĩa là đạo, cho là một biệt hiệu để tán tụng đức Như-lai ; mãi đến đời Đường sau khi đức Huyền-trang tây du, ngài mới định nghĩa là trí tuệ hay là giác. Đến như nghĩa chữ « Phật » các bọn tục nho, lấy tài lợi khẩu mà nặn nghĩa rằng : « chữ Phật 佛 một bên là chữ nhân 人 là người, một bên là chữ Phát 弗 là chẳng ; như thế nghĩa là chẳng người nào bằng ; cũng như chữ Tiên 仙 ; một bên là chữ nhân 人 một bên là chữ sơn, là người trên núi, tức là người dẫn đạo lên núi, tịch cốc thành tiên, trảng sinh bất tử. Chữ nghĩa như thế là sai nhằm bịa đặt, đã không có căn cứ đích xác, lại không có ý vị sâu xa. Ta phải tìm trong các kinh sách, giải thích rõ ràng, phân minh, khúc chiết. Sách Đại trí độ luận 大智度論 (Mahāpragñāparamitā-Sāstra) nói rằng : Phật danh vi giác, ư nhất thiết vô-minh thụy miên chung, tối sơ giác cổ danh vi giác. 佛名爲覺. 於一切無明睡眠中最初覺故名爲覺. Phật nghĩa là đã tỉnh ngộ, sơ dĩ các nghĩa như thế là vì ngài là người thứ nhất giác ngộ trong

dắc vô minh Cũng trong kinh ấy lại nói : Phật dạy Tần
 ngôn tri giả, hữu thường vô thường đẳng nhất thiết chư
 pháp, bồ-đề thụ hạ liễu liễu giác tri cổ danh Phật đà.
 佛陀 秦言知者有常無常等一切諸法菩提樹下
 了了覺知故名佛陀. Phật là một vị ngồi tu dưới gốc
 cây bồ-đề đã hiểu thấu được tất cả các phép hữu-thường
 vô-thường (Sattvāsattvasamkhyāta) nghĩa là dĩ vãng, tương
 lai, hiện tại, hữu hình cùng vô hình. Sách Phật-địa kinh
 luận 佛地經論 (Buddhabhūmisūtrasastra) có nói : U
 nhất thiết pháp, nhất thiết chủng tướng, năng tự khai
 giác, diệc khai giác nhất thiết hữu tính như thụ mộng
 giác tỉnh, như liên hoa khai, cổ danh Phật. 於一切法,
 一切種相能自開覺, 亦開覺一切有情如睡夢覺醒
 如蓮華開故名佛. Phật nghĩa là : ai đã tự khai
 giác được tất cả các đạo pháp, các tính tướng, rồi lại khai
 giác được tất cả các đạo pháp, các tính tướng cho mọi
 người khác có thể hiểu biết được, cũng như tỉnh giấc ngủ
 mê, cũng như hoa sen tự nhiên nở tung ra. Sách Đại-
 thặng nghĩa chương 大義乘章 có nói : « Giác hữu
 lương nghĩa : nhất giác sát danh giác như nhân giác tặc ;
 nhị giác ngộ danh giác như nhân thụ ngộ. Giác sát chi
 giác, đối phiền não chướng, phiền não xâm hại sự, đẳng
 như tặc ; duy thánh giác tri bất vi kì hại, cổ danh vi giác.
 Niết-bàn kinh vân như nhân giác tặc, tặc vô năng vi.
 Giác ngộ chi giác, đối kì tri chướng vô minh hôn tâm, sự
 đẳng như thụ, thánh tuệ nhất khởi, lãng nhiên đạt ngộ,
 như thụ đắc ngộ, cổ danh vi giác. Kì năng tự giác, phục
 năng giác tha. Giác hành cùng mạn, cổ danh vi Phật.
 覺有兩義, 一覺察名覺, 如人覺賊, 二覺悟名覺,
 如人睡寤, 覺察之覺, 對煩惱障, 頓惱侵害, 事等
 如賊, 惟聖覺知, 不為其害, 故名為覺, 涅槃經云,
 如人覺賊, 賊無能為, 覺悟之覺, 對其知障, 無明
 昏寤, 事等如睡, 聖慧一起, 朗然大悟, 如睡得寤,
 故名為覺, 既能自覺, 復能覺他, 覺行窮滿, 故名
 為佛.

Giác có hai nghĩa : 1. Giác sát hay là biết rõ ; Như người ta biết rõ có giặc cướp. Sự biết của điều biết rõ này, đối với mình bị phiền não ám chướng, nó xâm hại mình cũng như giặc cướp, chỉ có bậc thánh biết rõ, không để cho xâm hại. Như trong kinh Niết bàn đã nói « khi ta đã biết rõ đó là giặc cướp, thì giặc cướp không làm gì nổi ta... » 2. Giác ngộ hay là tỉnh biết ra ; như người mới tỉnh giấc ngủ mê. Sự tỉnh của điều tỉnh biết này, đối với tri giác mờ tối, nằm ngủ mê man ; chợt được có thánh tuệ làm cho tỉnh ra rõ ràng, như người tỉnh ngủ. Ai đã tự giác, lại đem giác ngộ người khác, làm đầy đủ công việc ấy, thế là Phật ». Lại còn nhiều kinh khác, cũng có cất nghĩa về chữ Phật, như các kinh **A tỳ đạt ma**, **Câu xá luận** 阿毘達磨, 俱舍論 (Abhidharma-Kos'asāstra), kinh **A tỳ đạt ma đại tỳ ba xa luận** (Abhidharma Mahāvibhāsa(sastra)); Kinh **Đại ban Niết bàn** 大般涅槃 (Mahāparinirvānasūtra), Kinh **Đại bảo tích** 大寶積 (Mahāratnakūta-sūtra), v. v. Nhưng tóm lại chữ Phật có hai nghĩa chính, nghĩa thứ nhất là tự giác, tự giác ngộ, vì như mình trước kia vẫn làm điều bất lương, bây giờ tỉnh ra biết việc làm ngày hôm qua là không phải mà đổi đi. Nghĩa thứ hai là mình đã giác ngộ lại tìm cách làm cho mọi người khác đều hiểu như mình, ví dụ như mình biết làm điều thiện là hay mình nên khuyên mọi người làm điều thiện ; mình biết tu trì lìa nết là phải, mình khuyên mọi người đều tu trì ; mình biết in kinh sách, đọc tụng chỉ nói về đạo Phật là có ích lợi, mình khuyên mọi người nên chăm phát sách, chăm đọc tụng chỉ ; mình biết bố thí là lợi lạc, mình nên bố thí lại nên khuyên mọi người cùng bố thí ; mình hiểu tu tạo chùa chiền là việc công đức, mình nên phát tâm cúng giáng lại hết sức khuyên hóa mọi người cùng phát tâm cúng giáng.

Người nào tu tạo chùa chiền,

Được trùng lâu các ở miền thanh cao.

Hai câu này trích ở trong kinh Nhân quả chư kinh trích yếu điển âm.

Đó là nghĩa chính chữ « Phật ». Chữ « Phật » có ra đã từ mấy nghìn ức kiếp. Khi đức Bản sư Thích-ca mâu-ni xuất thế, ngài tu hành làm được chọn nghĩa chữ ấy, nên thế gian lấy chữ ấy mà tôn xưng ngài. Lúc đã tôn ngài làm giáo chủ thì người ta lại có đến mười danh hiệu khác nữa để tôn xưng ngài :

1. Như lai 如來 (Tàhàgata) ; 2. Ứng cúng 應供 (arhat) ;
3. Chính biến tri 正徧知 hay Chính đẳng giác 正等覺 (Samyaksambuddha) ;
4. Minh hành túc 明行足 (Vidyà-carana-Sampanna)
5. Thiện thế 善逝 (Sugata) ;
6. Thế gian giải 世間解 (Lokavit) ;
7. Vô thượng sĩ 無上士 (Anuttara) ;
8. Điều ngự trượng phu 調御丈夫 (Purusa-damya-Sārathi).

9. Thiên nhân sư 天人師 (Devamanusya-sastri).

10. Thế-tôn 世尊 (Bhagavat).

Nhưng danh hiệu ấy, đều do chữ phạm mà dịch ra chữ Tàu, thực ra không phải của Tàu đặt ra.

1. Như lai nghĩa là « tự như nhi lai 自如而來 » : như là chân như : lai là lại là hiện ra.

2. Ứng-cúng nghĩa là ngài đã làm mọi việc viên thành, phúc tuệ đầy đủ, thiên thượng nhân gian bao nhiêu chúng sinh có trí giác là bậc hữu tình, đều cúng giàng ngài ;

3. Chính biến tri hay Chính biến giác : ngài có đủ các tri-tuệ, hiểu rõ hết cả các pháp.

4. Minh hành túc : ngài đã hiểu biết đầy đủ cả các tri thuật, lại đem ra thực hành trọn vẹn.

5. Thiện-thế : khéo hóa, ngài đem trí tuệ vô lượng đoạn tuyệt hết các điều hoặc, ra khỏi thế gian ;

6) Thế gian giải: các phép nhàn quả của thế-gian và xuất-thế-gian, ngài cũng giải thích được hết;

7.) Vô thượng sĩ: ngài đã rũ sạch các điều mê hoặc, không còn vướng víu gì, không ai hơn được ngài;

8) Điều ngự trượng phu: một đấng trượng phu, đầy bảo diu giắt các chúng sinh, xa đường cầu trục vào đường bất sinh bất diệt;

9.) Thiên nhân sư: ngài không những làm thầy cho từ chúng người là Tỳ khâu (Bhiksu), Tỳ khâu ni (Bhiksuni), Ưu-bà tặc (upasaka) Ưu-bà di (upasika), mà lại còn làm thầy cả thiên-thượng nhân-gian, ma-vương, ngoại-đạo.

10) Thế-tôn: khắp các thế gian, ai cũng tôn kính ngài. Sau khi đã có những danh hiệu riêng về tôn kính đức Bản-sư, người ta dùng chữ « **Phật** » để xưng hô các đệ tử ngài và các môn đồ ngài ai đã hiểu rõ nghĩa chữ « **Phật** » đem thực hành được đúng những nghĩa chữ « **Phật** ». Vậy ta lên chùa ta nên tôn chuộng tôn chỉ nghĩa chữ « **Phật** » hơn cả mọi điều, cố công tu trì, cho được đến cõi giác, thoát ly mê muội; đừng tưởng nhầm cứ tất phải có đủ pháp tượng mới là Phật, bởi thế mới có câu **Phật tức tâm, tâm tức Phật**. Nếu mình không thoát ly mê muội, chỉ cứ tâu vàng thê hương, lễ vật trai khiết, đến chùa chỉ chাম chút lễ bái, cầu nguyện phúc lành; ra khỏi cửa chùa lại nghĩ sai lạc cả tấm lòng thành lúc nầy, thời bao giờ tới cõi giác mà đến chốn cực-lạc cho mình được sung sướng hoan-hỷ, được hưởng đủ các phúc lành. Theo nghĩa chữ « **Phật** », thì Phật ở rất gần ta, lúc nào cũng ở cùng ta, ta cố công chăm chỉ mà cầu nguyện thì được. Thế mà Phật cũng ở rất xa ta, xa là ngài hiện ở những tầng thế giới cao xa, càng ở cao xa thì càng trông được khắp cả. Ngài ví như một bậc nghìn mắt nghìn tay, chỗ nào ngài cũng hiểu thấu, việc gì ngài cũng hiểu thấu lúc nào ngài cũng biết rõ. Ta đã bắt tâm tu-trì thì lúc nào cũng nên cố gắng, hễ trễ nải giờ nào, ngài biết giờ ấy, không thể giấu giếm và giới giá được.

Đó là các nghĩa chính chữ Phật cùng các danh hiệu đức Phật, chấp nhất trong các kinh sách, tuy chưa thật là đủ, nhưng mong rằng các giáo hữu tạm cho là đủ để hiểu rõ nghĩa. Vậy tại sao mà ta cần phải hiểu rõ ?

Chúng ta sinh vào thế gian này, theo các nhà tu-hành có lẽ là thời ngũ-trọc. Ngũ-trọc là : kiếp trọc 劫濁, kiến trọc 見濁, phiền-não trọc 煩惱濁, chúng-sinh trọc 眾生濁 và mệnh-trọc 命濁.

1) Kiếp-trọc : nghĩa là cái kiếp vận hỗn trọc chỉ có toàn những sự cực khổ ;

2) Kiến-trọc : mình chỉ trông thấy toàn sự cực khổ quanh mình, ít thấy hoan hỉ ;

3) Phiền-não trọc : do tham, sân, si mà tự mình thấy cực khổ ;

4) Chúng-sinh trọc : chúng-sinh cực khổ ngày một nhiều mà ít được hưởng phúc quả ;

5) Mệnh-trọc : chúng sinh phải sống phải chết chóc khổ sở lắm than.

Kiếp-trọc thì gồm cả bốn trọc kia là kiến-trọc, phiền-não trọc, cùng chúng-sinh trọc, mệnh-trọc. Do kiến-trọc với phiền-não trọc mà thành ra có chúng-sinh trọc cùng mệnh trọc.

Nhân nhờ các nhà tu-hành ấy, ta thử coi xét quanh ta xem có đúng sự thực không ? Nay hiện thời ở tây phương từ Phi-châu cho đến Âu-châu, không năm nào là không có tai nạn : nào tật-dịch, nào binh-đao. Hiện thời ở Tây ban nha, tranh quyền cướp lợi, xâu xé lẫn nhau ; ở phương đông thì nước Tàu nước Nhật, tranh thành cướp đất, tàn sát trở lại. Mất ta tuy không được trông thấy, nhưng tai ta nghe rõ, trong lúc binh-đao, đương thì chinh chiến, nào máy bay nào tàu ngầm, tìm kế tinh diệu, ai giết được nhiều, tự hào là giỏi ; hàng vạn hàng triệu, ghê gớm ghê ghê ! Nghe những chuyện ấy, ai không động mối thương tâm, xót thương nhân loại ; sáng suốt ừ, phiền-não

sầu khổ : như thể có rõ kiếp-trọc bay không ? Ngồi mà
trông tượng, đến khi bình tĩnh, gươm lau súng gác, ai đi
qua những nơi chiến trường ấy :

Bãi cát mênh mông,
Bóng người vắng ngắt :
Âm khí lạnh lùng,
Gió đưa hiu hắt,
Quỉ khóc ma hờn,
Tiếng oan giėjo giắt !
Nỗi thảm tình thương,
Ruột đau như cắt !

tại tấm lòng từ lại còn phiền-não đến đâu !

Còn ở nước ta trong năm vừa qua đây, từ Nam chí
Bắc : nào thủy潦, nào lụt dịch, lia cửa lia nhà, tan đàn
sây nê ; những cảnh tượng ấy, mắt ta đều có trông thấy
cả, lòng nào không ảo não. Vậy ta thử hỏi ta, trong năm
bấy đứng người trên mặt trái đất này, những ai là người
sung-sướng được hưởng phúc lành ? Hay là có ai là
người sung-sướng được hưởng phúc lành không ? Về câu
hỏi này, trước các giáo-hữu, chúng tôi không dám trả lời,
chỉ xin kể một câu chuyện cổ rất tầm thường ở phương
tây, nghe xong xin các giáo-hữu tự trả lời lấy :

Ngày xưa có một vị hoàng-đế nước kia, lúc thiếu thời
đành đóng giệp bắc, mở rừng phá núi, trong nước thịnh
vượng, dân gian phong túc. Khi tuổi đã cao, lâm đến bệnh
căn : ốm yếu trăm trệ, đau-đớn cực khổ. Trong mấy năm
giời, bao nhiêu thầy giỏi thuốc hay, cũng không khỏi bệnh.
Sau cho mời một nhà tu hành đến thăm bệnh cho thuốc,
bảo cách chạy chữa. Khi án mạch xong, nhà tu hành kể
một cái đơn rất giấu dị : chỉ xin tìm được cái áo cũ của người
nào thật sung-sướng khoác vào lưng vua là bệnh khỏi ngay.

Vua truyền : « Nếu đúng như lời, thì chẳng hóa dễ lắm ru ? » Liệt đòi Thái-tử, sai thân đi tìm cái áo cũ người sung-sương ấy. Thái-tử vắng mạng, hội cả đình thần, hỏi xem có ai tự nghĩ là sung-sương, xin dâng vua một cái áo cũ để chữa bệnh ngài. Từ quan đại thần cho chỉ thuộc tay ai cũng nghĩ nghĩ hồi lâu, rồi trả lời rằng : « Thật không được sung-sương ».

Về hàng Võ thì các quan nói . « Tôi tuy trong tay mấy vạn tinh binh, đánh đâu được đấy, nhưng trái trảm trên đánh nhiều khi không được toàn thắng trong lòng vẫn căm tức, mỗi bữa giận chẳng lúc nào nguôi, ấy nỗi cực khổ của tôi ở đấy ». Về hàng Văn các quan cũng nói : « Chúng tôi ơn vua giao cho việc trị dân, mỗi khi cải cách phép luật gì, vẫn tưởng là ích lợi cho cả mọi người ; đến khi thi hành, nhiều lúc thấy khốc hại cho dân, trông thấy thật động lòng thương nên lúc nào cũng mang mối sầu khổ » Song đấy Thái tử sai đóng xe, tuần du khắp nơi để cố tìm cho được người sung-sương mà xin cái áo cũ. Hỏi người học trò : Học trò thử giải mà trả lời : « Bây giờ thức khuya dậy sớm, nở ra thì hồng thì khổ đến đâu ! » Hỏi người điền chủ cũng buồn rầu mà nói : « Nào tậu trâu nào nở người, nay lo nước lụt mai lo đại hạn, bụng chúng tôi không lúc nào yên, lấy đâu mà sung-sương ! » Hỏi đến người làm thợ lại gãi lên mà nói : « Đừng tưởng chúng tôi được yên phận, tay làm hàm nhai đâu, làm xong cái nhà này, không tìm được việc khác thì vợ con lại neo nhóc. Thái-tử vào một cửa hàng to, ông chủ vồ vĩ đón tiếp, tưởng được món hời đến khi Thái tử hỏi xong, chủ hiệu có ý gãi mà trả lời : « Khổ quá, từ sáng đến giờ, chưa bán mở hàng, thấy ông vào tưởng chẳng bán được nhiều thì ít lại; hỏi những câu lẩn thẩn. Giá sáng sớm mai nào cũng như thế thì khổ tôi đến đâu ! »

Thái-tử giờ ra, mày mặt ủ ê, nóng nổi buồn bực, nào bây giờ biết tìm đâu cho được cái áo người sung-sương chữa khỏi bệnh phụ thân ta. Hành liều đi lang thang về

chỗ nhà què; đi mǎi, gặp ai cũng hỏi, ai cũng trả lời giỡng nhau. Chợt qua một cái lều rãnh, nghe tiếng một ông già vừa vỗ bụng vừa hát ngao :

« Mặt giời khi mọc làm chơi,

« Mặt giời khi lặn nghĩ ngơi vui vầy.

« Uống thì có giếng đào dày.

« Ăn thì có ruộng cấy cấy đầy kia.

« Khi làm khi nghĩ cần chi.

« Nhà vua nào giúp sức gì cho ta ! »

(日出而作, 日入而息, 鑿井而飲, 耕田而食. 帝力何有於我哉. Nhật xuất nhi tác, nhật nhập nhi tức. Tạc tỉnh nhi ẩm, canh điền nhi thực, đế lực hà hữu ư ngã tai).

Thái-lữ mừng quá, đánh bạo vào hỏi : « Cụ già có sung sướng không ? làm gì mà hát thế ? » Cụ già bèn ngừng câu hát, giọng còn ngầu ngư, cười khanh khách mà trả lời rằng : « À, ngài tỉnh ; Sáng nay tôi đào ngoài vườn được một gánh sắn dây, luộc một ít ăn, còn đem ra chợ bán, lấy tiền đóng gạo đủ ngày mai, còn bao nhiêu tôi đem giúp đỡ những người thiếu ăn, ai cũng hả hê. Ấy cũng hôm nay, khi về giữa đường, gặp một đứa bé sa chân xuống ruộng lầy, tôi vớt nó lên, tắm rửa sạch sẽ, cho ăn uống no nê; bảo nó thấy bùn thì tránh ; xong rồi tôi lại ôm ấp nung niu, đưa về cho bố mẹ nó, đôi bên mừng rỡ, không tá sao xiết. Ngài tỉnh trong một ngày tôi làm được ngàn ấy việc cho tôi cùng cho người khác, làm gì mà không sung-sướng, mà không hát ngao. Bảy giờ ngày đã hầu tối, nằm đây thảnh thơi, đợi mặt giời lặn thì tôi ngủ, sáng mai rạng đông tôi dậy, lại làm việc như ngày đã qua, hết sắn thì đã có khoai có đậu, có ngô, có lúa. Lăn theo đắp đổi, quanh đi rồi lại giở lại, ngày-nào tôi cũng thế ». Rút lời Thái-lữ

vội hỏi : « Vậy thì xin cụ cái áo cũ để chữa bệnh cho thân phụ tôi » Ông già nổi lời thưa rằng : « Thưa ngài, lúc nước tôi tắm suối kia, lúc rét tôi nằm ở rơm, gọi mưa tắm nắng, mới được có bộ xương đồng da sắt này, cần gì đến áo, mà làm gì có áo ! Vả chúng cha mẹ tôi sinh ra tôi cũng vẫn không có áo, thân tôi vẫn thiên nhiên thế này ».

Thái-tử thờ giải nói : « Thế thì cụ sướng thật ». Từ già ra về, tâu rõ đầu đuôi chuyện đi tìm áo để vua nghe. Vua nghe xong cũng thờ giải...

Chuyện cổ tích này tuy tầm-thường, nhưng có nhiều ý vị hay. Tuy vậy ta sinh thời này, nhờ công khó nhọc của tiền-nhân, mới được thế này, không thể chỉ bắt chước bề ngoài ông lão cổ tích mà cứ không có áo thì mới được sung-sướng. Muốn được sung-sướng để hưởng hạnh-phúc thì cần phải tìm đường giải-thoát khổ-nạn. Giải-thoát đây không phải như người đời hiểu nhầm : cứ nhắm mắt ngồi yên, không làm gì mà tự nhận là siêu thoát đâu ! Giải-thoát là bỏ hết cả các điều chướng ngại, làm theo chính đạo ; bất cứ ai ai, bất cứ làm việc gì, cần bỏ hết lòng tham bạo, bụng ghét ghen, việc giả dối, mưu lừa-lọc mà làm hết nghĩa-vụ, trọn bổn-phận : nhân từ bác-ái công bằng chính-trực. Vậy muốn giải-thoát thì cần phải tu-hành. Muốn tu hành thì cần phải theo nghĩa chữ « Phật » mà phát Bồ-đề-tâm. Bồ-đề tâm là tấm lòng hiểu biết trọn vẹn, hiểu biết mà hăng hái làm việc, không việc gì không làm, không việc gì làm trái với lòng hiểu biết thì ta sẽ đến được cõi từ-bi cực-lạc. Tu Bồ-đề-tâm là nhân mà Từ-bi cực-lạc là quả. Thưa các giáo-hữu ta còn đợi gì ?

NAM-MÔ A - DI - ĐÀ PHẬT

TRẦN-VĂN-GIÁP



CÂU TRUYỆN ĐẠO PHẬT VỚI VIỆC LÀNG

(tiếp theo và hết)

Khách : - Thế theo lễ mới thế nào ?

Chủ : - Nghi-vấn mới sẽ có chức-dịnh, nhưng đại-khai thì cứ như nghi thức mà người ta làm lễ truy điệu các danh nhân ngày nay là được. Lễ cốt ở thành kính, làm thế nào tỏ ra chí thành chí kính là hơn, càng giản dị linh khuyển càng thấy thành kính. Mà cần phải mỗi lúc lễ tuyên đọc cho công chúng biết lịch-sử hoặc công-đức của thần là thế nào. Ở Trung quốc bây giờ lễ Phật cũng lấy xá và quỳ làm chí kính

Khách : - Còn như tang lễ trong làng thì thế nào ?

Chủ : - **« Sinh đồng cừ, tử đồng táng »** là câu nghĩa-huấn của tiên nhân ta để lại. Vậy sự đưa đám là nghĩa vụ người làng đối với nhau. Đưa mà không doi-ăn mới là tỏ ra lòng biết thương nhau thực. Thì bao nhiêu sự cỗ bàn nợ miệng bỏ đi hết. Làng có hội Phật-giáo thì đưa đám có ban Hộ-niệm lại càng khiến cho cái chết có nghĩa. Sau khi đưa đám thì tang-chủ nên cúng cho vong linh một tuần ở chùa, mà cũng chỉ cúng một cách giản-dị mà thôi. Ghó có bày ra hư-vấn đàn tràng mã-bội mà thêm hại. Tôn ông có thấy nay có đã nhiều làng, chỉ hội Phật-giáo ở đây có quyền ở làng, thì đám ma nhà nào nghèo không giả được đủ lệ làng, làng không đưa, chỉ hội Phật-giáo xin đưa, cũng trang-nghiêm Hộ-niệm, cúng siêu độ hẳn hoi, cho khỏi cực lòng người sống, Ôi, không lường cái mùi thối lợn rượu tí lên thì tuyệt không thấy cái nghĩa **« phù tang cứu nạn »** của người làng. Sao người ta ở với nhau quá quắt như vậy. Tôi mong các người trong các làng ta, kịp học Phật mà xam-hối mọi cái ác nghiệp truyền-nhiệm ấy đi

Khách. - Tuy vậy, lệ gạch nặng nề là ở cái thời phong thịnh ngày xưa, chớ bây giờ dân-tinh nghèo khó, nhữ

làng ở những vùng bị lụt bị hạn đang đói khát nheo nhóc khôn khờ, còn lấy gì mà giải lệ ngặt.

Chủ : - Đó là vì đói khổ, bất đắc dĩ mà phải nhịn chứ không phải là biết là lệ-hại mà tự bỏ. Đã là không biết rằng lệ-hại mà tự bỏ, và chỉ là vì đói-khổ mà phải nhịn thì khi nào có thể làm được họ lại làm. Cho nên những nhà có lòng với tiền đồ quốc-dân, muốn bãi-trừ lệ-lục nợ miệng, nên nhân hội này họ đang lúng bấn không thể gỡ giới ra được, thì khuyến bảo, hiểu dụ cho họ bỏ hẳn đi Cứu thế ở đó, giác tha ở đó, các ngài đừng bỏ qua.

Khách : - Mấy cái lệ hại lớn trong làng, Tiên-sinh nói thế cũng đã lược đủ. Đến khi ra làm sẽ suy rộng ra. Nay xin bàn về công việc kiến thiết của làng. Song tôi e rằng đó là việc ngoài Phật-pháp, bàn ra đây không hợp chăng?

Chủ : - Thế thì Kuông-Việt Thái-sư, Đổ-Thuận-Pháp-sư, Mãn-Giác Đại-sư vân vân, hiện thân thay tu mà tham dự triều-chính, cũng là làm việc ngoài đạo Phật cả ư? Phải biết rằng Phật ru đời là vì chúng sinh, việc gì có ích cho chúng-sinh là việc Phật cả. Đấng bồ-tát đều phải làm cả. Vậy việc kiến-thiết của làng để làm lợi ích cho dân-làng, không phải việc Phật thì còn là việc gì, chúng ta không giảng bàn ở đây thì còn giảng bàn ở đâu.

Khách : -- Công việc kiến-thiết trong làng hiện nay nên làm những việc gì trước.

Chủ : - Công việc kiến-thiết một làng tuy nhỏ mà cũng nhiều như của một nước. Tùy dân-trí, dân-lực mà mở mang dần. Nhưng những việc cần nhất cho ngày nay là kinh-tế, vệ-sinh, giao-thông và giáo-dục.

Khách : - Xin hỏi về việc kinh-tế của làng?

Chủ : - Kinh tế của làng : Về việc nông-phổ, phải tùy địa thế mà đắp đập ngăn nước, đặt máy khai ngòi lấy nước, lấy tư-cách hội-đồng hương-chính đứng chủ-trương mà làm. Phải tìm thêm hoặc trọn lấy giống tốt cho hou mẫu phát đạt. Nhiều nơi chỉ vì ít ngòi mà ruộng không đủ

nước thành chỉ cấy được một mùa mà khi thời tiết hạn hán thì ruộng bỏ khô. Vậy cần nhất là cái vấn-đề lấy nước vào ruộng, phải khai ngòi cho nhiều, chớ mê tin thuyết phong-thủy mà chịu khổ. Về công nghệ, làng có công nghệ rồi thì hương hội đứng ra cử người nghiên-cứn cho nghề làng mình thêm tinh. Làng nhiều người mà không có kỹ nghệ gì khác thì lập ra những chỗ dạy đan dạy dệt hoặc nghề thủ công gì khác, cho trẻ con người lớn có thêm nghề sinh nhai mà bỏ trở vào nghề nông. Làng có chợ thì chính-đốn mở mang cho đông vui, không thì cũng khuyến người làng mở một hai ngòi hàng vật để giao dịch cho tiện. Còn như những công điền, công-thổ và hoa lợi của làng phải thu vào công quỹ mà chi việc công hoặc chợ cấp cho dân làng dùng để cho bọn hào-mục há-lạm.

Khách : -- Xin hỏi về việc vệ sinh của làng ?

Chủ : -- Tôi nghiệm thấy các làng ở Bắc-kỳ, làng nào đường lối như bản, lậm lội, quanh năm thì dân làng nhiều bệnh đơn thủy, chân to bằng chân voi. Làng nào ăn nước ao thì dân làng người nào cũng đa một nhọt ra như người ngã nước ở Đai-từ Võ nhai mới về. Lại làng phố chợ thì phóng uế ra đầu làng, làng nhà què thì chuồng xí lôm ngay bên đường, ó uế góm ghè, sóng lên làm bệnh thời-chứng, chết như ngã gĩa, lại đổ cho quan Ôn quan Dịch. Vậy việc vệ sinh chung của làng cần nhất ba việc : Một là phải khuyến nhau tu sửa nhà cửa đường lối cho cao ráo sạch-sẽ, để trừ bệnh đơn thấp. Hai là làng ở xa sông ngòi thì phải đào riêng lối mạch lấy nước mạch là nước thiên nhiên đã lọc rồi, ăn thì mới chong máu mà ít bệnh. Chớ dùng lấy nước ở các ao nóng chứa nước mưa mà gọi là nước riêng thì lậm, nước ấy độc lắm vì nó ngấm bùn xuống. Ba là phải cấm chỉ không được phóng uế ra đầu phố, trửa bản ở bên lối đi thì hó hấp mới được khi lối mà không hay bị bệnh dị-h. Than ôi, Phật dạy đời là cõi uế-trọc, thì các làng của ta chính là nơi uế-trọc nhất. Vậy ta phải học Phật mà làm cho làng của

ta thành nơi tịnh-độ thanh tịnh ở đời mới được.

Khách : -- Xin hỏi về việc **giao thông** của làng ?

Chủ : -- Xứ nào văn-minh là do **giao-thông tiện-lợi**, mà xứ nào mọi rợ là vì đường lối hiểm-trở. Làng cũng vậy. Vậy phải sửa mở đường lối trong các xóm, đường lối **giao-thông** với ngoài, đường nào cũng có thể đi xe đạp, xe tay hoặc xe hơi được. Đường lối có rộng rãi phong quang, người làng ra ngoài, người ngoài vào làng tiện lợi, thì làng mới tiến bộ.

Khách : -- Xin hỏi về việc **giáo dục** của làng ?

Chủ : -- Những đất thừa ở chùa, đình, nghè, miếu và nơi nào khác, mở ra làm công viên, trồng cây trồng hoa cho người làng chơi bởi giải trí. Nên chôn cột đu, mở sân quần ở các nơi công viên, tưởng lệ bơi thi, chạy thi, vật thi v. v cho người làng khỏe mạnh ít bệnh thì mới vui vẻ làm ăn học tập. Đó là về thể dục. Còn việc giảng diễn ở chùa, ở trường học, đem đạo lý Phật Thánh mà khai hóa cho dân dần dần, ấy là việc đức dục. Lập ra chỗ thư viện ở chùa cho người ta đến xem sách Phật, sách Nho, sách triết-học, khoa học Thái tây, xem báo chí. Phải mở trường hương học, mở lớp dạy sách Phật sách Nho cho con trẻ. Ấy là về tri-dục. Đức-dục, tri-dục, thể dục là ba cái gốc giáo dục không thể thiếu một phần nào được. Làng tuy nhỏ cũng phải có đu và tùy sức của làng mà làm.

Khách : -- Mấy việc kiến-thiết ở làng, Tiên-sinh nói đều đang cần cấp cả. Nhưng làm phải có tiền. Tiền làm việc làng xưa nay lấy ở những khoản triết can, bán vị-thứ, nay tiên sinh định bỏ cả những khoản ấy đi, thì móc đâu ra tiền mà làm ?

Chủ : -- Thu hai khoản trên ấy nó có tính-cách bất-bình bất-công nên không muốn thu. Thực ra thì của dân bách gia chi sản, nghĩa là của công dân là của ở các nhà. Chỉ vì chức-dịch không biết cách lý-tài hoặc tham-lam. Nên người ta không chịu mà không có tiền đó thôi. Nếu

làm việc công mà biết lý tài và rất công tâm thì không có thiếu tiền. Vì như làng của Tôn ông mà lớn và khá-giả thì không phải nói. Bằng làng vừa nhỏ vừa nghèo thì trước hết hãy làm việc chấn hưng Phật-giáo lấy giảng diễn làm lợi khi cơ-vũ tinh thần. Khuyến người làng cần kiệm. Đồng thời bỏ những lệ-lục làm việc kinh tế công-dân, cho việc sinh-hoạt dễ thở. Như vậy phỏng đã tốn kém gì. Mở công-viện, khuyến thiê-dục thì phi-lần là bao. Sau sẽ dần dần hoặc độc-lực một làng, hoặc hợp lực với làng khác mà làm mọi việc công ích, mở trường lớp chợ, dạy nghề v. v. Tới khi sức làng đã khá-khá, bấy giờ làm việc gì, một là lấy ở phần nghĩa-vụ, hai là lấy ở phần phúc đức. Phần nghĩa-vụ là bỏ nhân xuất giàu nghèo đều nhau. Phần phúc đức là do nhau khá giả quyền trợ vào. Giáo hóa đã tiêm-nhiễm, người ta biết nghĩa-vụ phải làm; Phật-giáo cảm hóa người ta phát tâm việc công đức rất mạnh. Thế mà chính thân chức dịch vừa công tâm, vì nghĩa vụ, mà cũng vì phúc đức mà đứng làm thì lo gì không có tiền. Lại ví như làng muốn đắp một con đường khuyến nông để người làng đi làm ruộng cho khỏi khổ vì lạt lợi. Nhưng nếu chức dịch làm việc bất công lại lấy tiền quyền thúc bách tại người ta không theo Bằng chức dịch đã công tâm lại biết lấy nghĩa phúc bao mà khuyến khích người làng, thì chỉ vài ba nhà phú ông hoặc bà góa có của cũng ra là đủ làm ngay. Ấy liền ở đây chứ ở đâu Tôn-ông phải biết đời nào, ở đâu thì làm lý quã chúng cũng dễ cảm về thuyết bao ứng hơn là thuyết nghĩa-vụ. Ấy câu truyện đạo Phật với việc làng cũng là vì lý do đó.

- Chủ nói đến đây, khách vỗ tay tran trát, gật gù đầu và cười ha hả, vội thu diêm-thuốc cho vào túi áo, đứng lên bắt tay chủ nói một cách vui vẻ có hy vọng ma rầu :

Hôm nào chi hội Phật-giáo làng tôi thành-lập, mời tiền-sinh về giảng cho một bài Từ ân nữa !

Quảng-tràng-thiệt Cư-sĩ

GIẢNG KINH THẬP - THIÊN

(tiếp theo)

Lại nữa, Long-vương này! nếu chưa được tội hai lưỡi, tức thì được năm phép không thể phai nát được. Những gì là năm? 1- được làm cái thân hoàn toàn không ai làm hại được; 2- được xum họp cùng giòng giới họ hàng tốt, không ai lia rẽ được; 3- được cái đức tín bền chắc, vì cứ thuận như bản-nghiệp; 4- được phép bất hoại, vì công tu hằng kiên cố; 5- được các bậc trí thức thủy chung tử tế, không lừa dối mình, thế là năm. Nếu đem công đức ấy mà hồi hướng cầu đạo A-lỗc đa la tam niều tam bồ-đề, sau này thành Phật, sẽ được các bậc chính đạo làm họ hàng (họ hàng với các bồ-tát), các loài tà ma đạo nhằm không phá hoại được.

6. CÔNG ĐỨC CHỮA TỘI ÁC KHẨU

復次龍王! 若離惡口,
phục thứ long vương! nhược lý ác khẩu,
lại lần rồng vua, bằng lia ác miệng,
Lại nữa Long-vương! nếu lia thói ác khẩu,
卽得成就八種淨業.
tức đắc thành tựu bát chủng tịnh nghiệp,
bèn được nên tới tám giống sạch nghiệp,
bèn được nên tới tám thứ nghiệp sạch,
何等爲八? 一言不乖
hà đẳng vi bát? nhất ngôn bất quai
gi những làm tám? một nói chẳng trái
Những gì làm tám? một nói chẳng trái
度; 二言皆利益; 三言
độ; nhị ngôn giai lợi ích; tam ngôn
độ; hai nói điều lợi ích; ba nói
phép; hai nói đều lợi ích; ba nói

必契理；四言詞美妙；
tất khế lý ; **tứ ngôn từ mỹ diệu** ;
 ắt đúng lẽ ; bốn nói lời đẹp khéo ;
 ắt đúng lẽ ; bốn lời nói hay khéo ;

五言可承頌；六言則
ngũ ngôn khả thừa linh ; **lục ngôn tắc**

năm nói khá vàng linh ; sáu nói thời
 năm nói khá vàng linh ; sáu nói thời

信用；七言無可譏；八
tín dụng ; **thất ngôn vô khả cơ** ; **bát**

tin dùng ; bảy nói không khá trê ; tám
 tin dùng ; bảy nói không khá trê ; tám

言盡愛樂。是爲八。若
ngôn tận ái lạc, thị vi bát. nhược

nói hết yêu vui, ấy là tám. bằng
 nói hết yêu thích, ấy là tám. Nếu

能廻向。阿耨多羅三
năng hồi hướng, a lốc đa la tam

hay quanh ngành, a lóc đa la tam
 hay hồi hướng. cầu đạo chính đỉnh

藐三菩提者。後成佛
riều tam bồ đề giả, hậu thành Phật

riều tam bồ đề ấy, sau nên Phật
 tội bực ấy, sau khi thành Phật

時。具足如來梵音聲相。

thời, cụ túc như lai phạm âm thanh tướng
 lúc, đủ đủ bằng lại phạm tiếng tiếng tướng.

đầy đủ cái tướng tiếng phạm như đức như lai.

Lại nữa, Long-vương này! Nếu chưa được tội ác khấu, tức
 thì được tám cái nghiệp thanh sạch. Những gì là tám? - 1

Nói không trái phép tác ; 2. Nói lời nào cũng có lợi ích ; 3. Nói ra tất đúng lẽ phải ; 4. Lời nói tốt đẹp mẫu nhiệm ; 5. Nói ra ai cũng có thể vâng theo được ; 6. Nói ra ai cũng tin dùng được ; 7. Nói ra không ai có thể chế vào đầu được ; 8. Nói ra ai cũng yêu mến hết ; thế là tám Nếu đem công đức ấy mà hồi hướng cầu đạo A-lỗc đa-la tam niệu tam bồ đề, sau này thành Phật, sẽ được đầy đủ thứ tiếng phạm như Đức Như Lai. (Tiếng phạm : tiếng trong trời xa xa rõ ràng, một tiếng tốt trong 32 tiếng của Phật).

7. CÔNG ĐỨC CHỮA TỘI THÈU RỆT

復次龍王！若離綺語，
 phục thứ long vương ! nhược lỵ ý ngữ,
 lại lần rồng vua ! bằng lia thêu - rết nói.
 Lại nữa Long vương ! nếu lia thói nói thêu rết,
 卽得成就三種決定，
 tức đắc thành tựu tam chủng quyết định,
 bèn được nên tới ba giống quyết định.
 bèn được thành tới ba thứ quyết định.
 何等爲三？一定爲智
 hà đẳng vi tam ? nhất định vi trí
 gì bực làm ba ? một định làm khôn
 Những gì là ba ? một nhất định được
 人所愛；二定能以智
 nhân sở ái ; nhị định năng dĩ trí
 người thừa yêu ; hai nhất định hay lấy khôn
 người khôn yêu ; hai nhất định hay lấy cái trí
 如筌答問；三定於人
 như thục đáp vấn ; tam định ư nhân
 bằng thục đáp hỏi ; ba định chung người
 đúng thục đáp lại câu hỏi ; ba nhất định có uy đức

天 威 德 最 勝, 無 有 虛
 thiên uy đức tối thắng, vô hữu hư
 trời uy đức rất được, không có hư
 hơn hết trời người, không có hư
 妾 是 爲 三 若 能 迴 向
 vọng thị vi tam. nhược năng hồi hướng
 sáng ấy làm ba. bằng hay quanh ngoài
 đối, ấy là ba. Nếu hay hồi hướng
 阿 耨 多 羅 三 藐 三 菩
 a lốc đa la tam riều tam bồ
 a lốc đa la tam riều tam bồ
 cầu đạo chính, đĩnh tột bực
 提 者, 後 成 伏 時 得 如
 đề giả, hậu thành Phật thời đắc như
 đề ấy sau nên Phật lúc được bằng
 ấy, sau khi thành Phật, được đức Như-
 來 所 授 記, 皆 不 唐 捐.
 lai sở thụ ký, giai bất đường quên
 lại thừa chao ghi, đều chẳng bỏ quên.
 lại thụ ký cho, đều không bỏ quên.

Lại nữa. Long vương này ! Nếu chưa được tội nói thù
 dật, tức thì được ba cái công đức nhất định. Nhưng gì là
 ba ? — 1. nhất định được người khôn yếu mền ; 2. nhất
 định được cái trí tuệ mà đáp lại câu hỏi của người được
 chân thực dễ hiểu ; 3. nhất định được làm người có uy
 có đức rất cao quý trong cõi nhân cõi thiên, không có đối
 đã bao giờ, thế là ba. Nếu đem công đức ấy mà hồi hướng
 cầu đạo A lốc đa la tam riều tam bồ-đề. sau này thành Phật
 sẽ được đức Như-lai ngài thụ ký (bổ ngôi Phật) cho, không
 bị loại ra bao giờ. (Nghĩa là chưa hẳn được cái thói nói
 thù rết, đem đặt văn sớ lả lơi, tức thì được ba phần công
 đức nhất định không sai. (còn nữa)

PHẬT-GIÁO THÔNG TÍN

Một cuộc phụng nghinh Phật-tổ rất long trọng

Chi hội Phật-giáo Tế-xuyên, huyện Nam-sang, Hà-nam, cử hành đại lễ phụng nghinh Phật-tổ giáng sinh vào ngày thứ năm, mồng 6 tháng tư Annam, dự cuộc rước Phật-tổ tới 3000 người, một phần do các chư tăng các chùa cổ động các dân làng đến hết các đồ thờ ở đình di rước, một phần nhờ có quan Giáo-thụ Hoàng Hanh và ông thư-ký Phụng, các ông giáo đôn đốc các học-sinh các trường làm đèn dự thi, nhất là ông Trường giáo trưởng Cầu-không, ông Hương-sư trưởng Yên-trạch, trưởng Mai-xá, hơn một tháng giờ ngoài thời giờ học ra lại dạy các học trò học những bài kinh quốc-âm của hội Phật-giáo Trung-ương đề sung vào ban đồng-nam đồng-nữ cầm đèn di rước, tất cả 250 cái đèn làm đủ các thứ như : hoa sen, con đống, long ly quy phượng, có nhiều cái đèn con quí, con cá hóa long, cõ làm lò so cử động được ai xem cũng khen là mỹ-thuật, học sinh phần nhiều lưng thiếu, nhưng kiệt sức trở lại, nhiều cái đèn làm phi lối bày tám hào đồng bạc, tối mồng bốn học-sinh các trường rước đèn vào chùa Tú-yên là trụ sở của sư ông Thái hòa làm lễ, đến 3 giờ chiều ngày mồng sáu, lại bãi đầu rước từ chùa Mai-xá vào chợ Cầu không, rồi rước lên chùa chốn tổ Tế-xuyên, là trụ sở của Hòa-thượng Tế-cát, cuộc rước đi dài tới 2 cây số, đủ các thứ âm-nhạc mùa rằm, một cỗ Long đình kết thuận hoa tươi, trong đề tượng đức Bản-sư, sáu người đồng-tử đội mũ kiêu kết hoa mặc áo mũ tiên bề đồ lục-củng, trong khi đi các học-sinh cầm đèn, các hội-viên các tín-lão đèn đồng thanh đọc bài ca tán Phật Thích-ca muốn năm một hội hoa đàm, của ông Đồ-nam-tử, đọc rứt hai câu lục bát, lại tiếp câu niệm Phật nghe vang động cả một góc giới, đi qua các làng đều có bày hương án bài-vọng, sáu giờ tối thời rước tới chùa Tế-xuyên chư tăng lên cúng Phật, đồng-tử dâng lục cúng, các hội viên làm lễ, rồi đến các học-sinh dâng đèn đọc ca. Rồi đến cuộc diêngiảng về lịch sử đức Thích-ca giáng sinh, rồi giờ ra thi đèn phát thưởng, số tiền phát phần thưởng đèn này do

tiền quyền của hội-viên và thiện-tin chứ không trích ở quỹ hội, mỗi 10 giờ đêm mới rước về, khi rước về các đèn đều thấp nên coi rất ngoạn mục, một cuộc rước không phi lớn bao nhiêu mà rất long trọng, tưởng từ xưa tới nay ít thấy ở chốn thôn quê, chúng tôi mong rằng các chi hội Phật-giáo ở thôn-quê khác đối với ngày đại lễ Phật-lễ giáng-sinh này cũng nên tổ chức cuộc rước như thế, để cho Phật-giáo có ảnh-hưởng với nhân dân, ở thôn quê biết cách tổ-chức ra thời cuộc rước rất đông và rất dễ, bởi vì làng nào cũng có đình có chùa, sẵn đồ sẵn người đi rước, theo tục lệ thôn quê từ trước tới nay mỗi khi có rước sách đình đám gì thời lễ vật rất lớn, trong khi ăn uống lại phân ra giai cấp, đại lễ như đàn em cầm cờ khiêng kiệu thời ngồi cỗ bé, đàn anh trở tay nắm ngón lại ngồi cỗ to lấy phần nhiều, đàn em cho thế là bất mãn, rồi sinh ra tranh dành ngôi thứ kiêu cáo, nay đem thuyết bình đẳng của Phật ra mà thi hành vào cuộc đón rước thời đàn em rất lớn thành, nghĩa là chỉ tổ lòng thành kính thôi, chứ không ai ăn uống gì cả, nếu đâu đâu cũng tổ chức cuộc rước Phật-lễ như thế, rồi sau nhân đó mà đem cải lương vào những ngày đình đám rước thần, thời đỡ lớn biết bao.

Chi hội Phật-giáo Tế-xuyên lai cáo.

THỜI SỰ

TIN TRONG NƯỚC

MỘT NHÀ DU LỊCH HÀ-LAN, NỮ SĨ BRULL
diễn thuyết về Phật-giáo ở Huế

Một nhà du-lịch Hà lan, là cô Brull, Nữ-sĩ và Họa sĩ nhân đi ngang qua Huế-kinh, có diễn-thuyết về Phật-giáo tại giảng-dường của hội Phật-học chùa tại Từ-dâm trong hôm 14 Mai vừa rồi.

Bà Cao-xuân-Xang giới thiệu diễn-giả với cử tọa.

Tiếp đến cô Brull bắt đầu câu chuyện bằng tiếng Pháp.

Đại ý có nói : Đối với giáo-lý thâm diệu của đạo Phật có không sờ đắc được mấy, cho nên câu chuyện hôm nay không phải là một câu chuyện diễn-giảng Phật-giáo, có chi giải tỏ cái cảm-tưởng êm dịu của cô trong cuộc du lịch qua các xứ Viễn-đông mà Phật-giáo thịnh hành như Nam-dương quần-đảo, Xiêm la, Cao miên v. v... Nhất-là đảo Bali (thuộc Nam dương quần-đảo, thuộc địa của Hà-lan) là nơi nhân dân rất sùng tin đạo Phật, phong tục rất thuần mỹ, trong xã hội, người ta có cái tinh-thần hỗ trợ, không hay khuyh loát nhau vì lợi quyền một cách khốc hại, một cách quyết liệt....

Diễn giả có dẫn mấy bằng chứng xác thiết về nền đạo đức cao thượng của người bản xứ ở đảo ấy do Phật-giáo đã đào tạo nên, mà chính diễn-giả đã nhận thấy trong khi giao thiệp tiếp xúc với họ.

Kết luận, diễn-giả nói rằng một tôn-giáo có cái sức mạnh giúp cho nhân tâm thế đạo được như thế, thật là đáng kính phục lắm.

Cô Brull nó iliếng Phốp rất rõ, và nói chuyện rất vui vẻ.

Nghị-định di dân tỉnh Ninh bình. Cứu nạn dân-mãn, ruộng ít người nhiều, vô nghệ đói rách. Cuối năm ngoái Chính-phủ đã thực hành di dân Thái-bình lên Yên-bái, đã lập được một làng mấy chục gia-đình. Năm nay vì dân dưới Ninh-bình kêu ca, Tỉnh Ninh-bình tự trừ khoản để di dân trong hạt lên thượng-du khai khẩn mà cuộc di dân này to hơn trước. Chủ-trương và thực-hành là quan Công-sứ De Peyrera, Ngài vừa mới triệu tập Hội đồng ban Cứu-tế hàng tỉnh họp bàn trừ lấy 7000\$00 giúp đưa 100 gia-đình ở mấy huyện Yên-mô. Gia-viễn lên tỉnh Yên-bái có lương ăn trong 6 tháng. Trong khoản 7000 bạc ấy, quan Công-sứ De Peyrera nói Chính phủ sẽ cho 2000 đồng, còn 5000 đồng thì quỹ hàng tỉnh chịu một nửa, quỹ hội Cứu-tế hàng tỉnh chịu một nửa. Ôi, thực là một việc công đức phả-độ không gì bằng ! Chúng tôi thành tâm cầu nguyện cho 100 gia-đình vô sản đang không chỗ sinh nhai kia, tránh được đói ơn trên tế-độ. Nghĩ

mà càng thêm sót-xa ai oán vô cùng cho dân miền lại
xứ Bắc hồi tháng trước mỗi ngày có tới 3 cái xác chết
đội ở vệ đường hạt Từ sơn.

Nạn xe lửa Dalat - Saigon. Xe lửa Hanoi-Saigon từ
cuối năm ngoài lời nay bị trượt bánh đổ vỡ mấy lần rồi.
Chuyến xe lửa từ Dalat đi Saigon vừa đây đến coach ga
Bellevu độ 400 thước bị nạn lại càng dữ dội lắm. Xe
trượt bánh đổ toa hạng tư và đầu tàu đổ vỡ tan. 17 người
chết. 22 người bị thương trong đó cả tài xế, số phơ cũng
chết. Thực là một sự khủng-hoảng lớn cho hành khách đi
đường Hanoi - Saigon hồi này. Người ta oán xe lửa
trách sở xe lửa và các kỹ sư không để ý.

Một ngày nghỉ lễ công - Do cụ Hiệp - là Nguyễn-
năng-Quốc Chánh Hội-trưởng hội Phật-giáo xin Chánh-
phủ Đông dương cho các viên chức được nghỉ hai ngày
lễ về Phật giáo trong một năm Annam là ngày 8 tháng tư
lễ Phật đản, ngày rằm tháng bảy Trung-nguyên lễ xá
tối vong linh. Nhưng quan Toàn-quyền chỉ có quyền và
hỏi ý kiến vua Annam cho phép nghỉ buổi chiều ngày rằm
tháng bảy mà thôi. Còn ngày 8 tháng tư phải tư về xin bên
pháp.

TIN THẾ-GIỚI

Về Tiệp khắc. — Người ta lo ngại lửa chiến tranh sắp
nhóm lên ở giữa Đức với Tiệp. Nhân cuộc bầu cử hội-
viên thành phố, dân Đức ở Tiệp gây ra nhiều cuộc xung
đột đổ máu. Tổng thống Tiệp là Benès quyết giữ hòa-
bình. Quốc trưởng Đức là Hitler đã cho quân đội tới
biên giới Tiệp nói là đi lập trận. Người ta lo tập trận sẽ
ra đánh trận

Việc Trung Nhật chiến tranh. — Ngày 21 Mai, Tàu đã
thông báo là Nhật hạ mất Từ-châu rồi. 40 vạn quan Tàu lui
ra được ngoài đường Lũy-hải. Bên quân Nhật thì nói bắt
sống được quân Tàu từ 6 vạn đến 9 vạn. Quân Nhật chiếm
lấy đại bản doanh quân Tàu ở Tsoolchouau rồi ngày 20
Mai đã đường hoàng kéo vào Từ-châu là nơi trọng-yếu
tỉnh Giang-tô.

KINH CÁO CÁC NGẠI HỘI VIÊN HỘI PHẬT-GIÁO HANOI

Chiều theo nội lệ của Hội, khi một vị Hội viên nào về châu Phật, hội có cử ba vị tăng và Ban Hộ niệm đi tiếp dẫn, nhưng nên nhớ cho rằng:

1. — Giấy cáo phó nên cho hội biết 24 giờ đồng hồ trước khi cất đám mới có đủ thì giờ mời các hội viên đi đưa.
2. — Xin đệ cho hội cái các (Carte de membre) và cái biên lai nộp tiền vào hội của vị hội viên quá cố.
3. — Hội đã có in một thứ giấy riêng để cho tang gia dùng về việc cáo phó cho hội. Xin cứ đến chùa Hội quán hỏi mà lấy về dùng cho tiện.

SẮP XUẤT BẢN

TẶNG HUẤN NHẬT - KÝ

Tác giả là tổ Văn-thê, nguyên bằng chữ nho. Nay dịch ra Quốc ngữ và bản thêm cho rộng nghĩa.

Một bộ sách phần thì rút những nghĩa bí yếu cốt tử trong kinh mà viết ra; phần thì đem những chỗ đã liễu ngộ được mà giải bày hết tâm tủy ra, khiến cho người đọc, phải sờn tóc gáy, mướt mồ hôi, mà biết rõ đến cái then cái chốt tu thế nào là chính, thế nào là tà, không còn hồ nghi gì nữa. Thực là một bộ sách rất thiết yếu cho tín đồ Phật, nhất là phần Tặng ny xuất gia lại càng cần phải đọc lắm.

Giá bán mỗi quyển 0\$10

ở xa gửi thêm 3 xu cước cho:

M. Nguyễn-hữu-Kha N. 73 Richaud Hanoi.

GIẤY NÓI

Số 836 : Cụ Chánh Hội-Trưởng hội Phật-giáo, Thái-Hà-ấp

Số 832 : Nhà in Huệ-tuệ chùa Quán-Sứ 73 Richaud Hanoi

HỢP THU

(Các vị đã trả tiền báo Đuốc-Tuệ bằng mandat)

M. M. Nguyễn bảo Yến à Biên-hòa (76 à 99)	1\$50
Trần hữu Dụng à Bến tre (52 à 99)	2 50
Lý văn Khoảnh à Thủ đầu một (76 à 99)	1.50
Đặng đình Năm à Phú thọ (52 à 88)	1 80
Đoàn văn Thiêm à Bái thượng (1 à 90)	3 00
Nguyễn văn Cương à Biên-hòa (76 à 106)	2.00

Cô Năm. Đông lai tự à Rạch giá. — Bản báo tiếp được mandat 1.00 của cô gửi trả tiền báo cho 1 vị đọc giá, nhưng không nói rõ là trả cho ai ? Vậy xin cho biết ngay để tiện việc sổ sách. Cảm ơn.

M Nguyễn văn Hoan à Hadong. -- Báo ngài mua từ số 1 đến số 85 là 2\$65 mà chưa trả tiền lẫn nào. Vậy xin ngài gửi ngay về cho để tiện việc sổ sách. Cảm ơn. Đ T.

CẢI CHÍNH

Số báo Đuốc-Tuệ 85 ra ngày 15 Mai 1938

từ trang 14 đến 26 bài « Khảo về lược sử nước Anh »

số trang	số đồng	Chữ lầm hoặc mất	, Xin chữa là
14	18	lầm choèn	loèn choèn
15	10	duy giới	quy giới
16	8	lời kính	lỗi kính
16	12	Ha-kiệt-đa	Ma-kiệt-đa
22	22	từng Phật hóa rất siêu rồi	tiến lên từng Phật hóa rất cao và lặn vào bề Phật hóa rất sâu rồi
22	24	tới đến	với đến
23	11	nghi quý, linh học	nghi quý, .. linh học
25	25	Thông-lĩnh	Thông-lĩnh
25	30	chấn trung tâm	chấn trung-tâm
26	5	phần văn	phần-văn
26	14	dùng chữ	văn chữ
26	34	Phượng sơn	Hoàng-mai
		Nguyễn-thiện-Chính	Nguyễn-thượng-Cần